

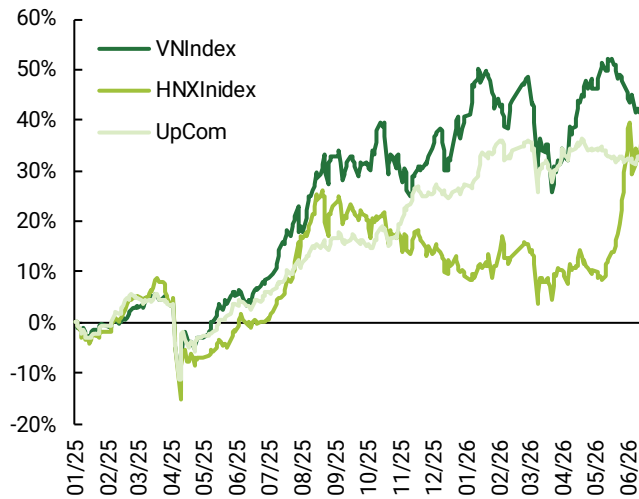
VN-Index **1807.94 (0.48%)**
712 Tr. cổ phiếu 16708.1 Tỷ VND (-34.45%)

HNX-Index **319.62 (2.80%)**
76 Tr. cổ phiếu 1462.7 Tỷ VND (-0.40%)

UPCOM-Index **126.75 (0.04%)**
21 Tr. cổ phiếu 277.4 Tỷ VND (-43.70%)

VN30F1M **1964.00 (-0.06%)**
125,466 HD OI: 28,763 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1807.9, tăng +8.6 điểm (+0.48%). Thanh khoản giảm nhẹ với độ rộng thị trường nghiêng về bên mua. VN30 giảm trong khi HNXIndex tăng điểm.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Tâm lý thị trường cải thiện trước bối cảnh hạ nhiệt căng thẳng địa chính trị. Thủ tướng Pakistan Shehbaz Sharif thông báo Mỹ và Iran đã đạt được thỏa thuận, biên bản ghi nhớ sẽ được ký vào ngày 19/6 tại Thụy Sĩ.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Dịch vụ tài chính: BSI (+7.0%), FTS (+7.0%), CTS (+7.0%) | Bất động sản: DXS (+3.1%), HDC (+3.9%), NLG (+6.7%) | Bán lẻ: FRT (+5.7%), PET (+6.1%) | Ngân hàng: LPB (+0.5%), BID (+0.7%) | Thực phẩm và đồ uống: SAB (+1.2%), DBC (+2.1%). Diễn biến yếu trong phiên: Hóa chất: DCM (-1.9%), DPR (-0.3%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: GAS (-1.0%), GEG (-0.4%) | Tài nguyên Cơ bản: TTF (-1.3%), DHC (-0.9%), HPG (-0.6%).
Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, TCX, HVN, BID, VPX - Chiều giảm | ACB, VJC, GAS, HPG, VNM
Khối ngoại Bán ròng hơn 300 tỷ, tập trung nhiều ở VHM, MBB, TCB, trong khi mua ròng HPG, NLG, TCX.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Doji, chịu sức ép từ các mã vốn hóa lớn. Dù vậy, điểm tích cực là dòng tiền tiếp tục cải thiện ở nhóm Mid-Small Cap, thể hiện qua thanh khoản và độ rộng đều duy trì ổn định. Số mã thoát đáy cũng phục hồi đáng kể so với tuần trước. Về mặt kỹ thuật, MACD có dấu hiệu thu hẹp với đường signal, cùng với RSI tạo hai đáy đi lên, củng cố cho đà phục hồi của chỉ số. Theo đó, vận động có thể hướng tới kiểm định vùng cản 1830 - 1840 điểm trong các phiên tới. Đà tăng được xác nhận khi VN-Index bứt phá được trên vùng này. Chiều ngược lại, hỗ trợ duy trì động lượng quanh mốc 1785 điểm, dấu hiệu thoái lui dưới ngưỡng này sẽ khiến đà phục hồi vi phạm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số tiếp tục dao động mạnh trên vùng cao. Vận động đang chịu ảnh hưởng bởi biến động ở mã THD, rủi ro rung lắc hiện hữu nếu cổ phiếu này mất đà.
- **Chiến lược:** Chiều mua mới phù hợp lướt sóng ngắn hạn theo dòng tiền, ưu tiên các cổ phiếu đã hoàn tất việc kiểm định đáy. Tín hiệu xác nhận bao gồm sự cải thiện rõ nét về thanh khoản cũng như sức mạnh giá. Dù vậy, tỷ trọng chung nên giữ ở mức trung bình, chỉ nên phân bổ một phần cho các vị thế ngắn hạn nhằm tận dụng xu hướng. Một số nhóm ngành đang thu hút dòng tiền đáng chú ý như: Ngân hàng, Chứng khoán, Cảng biển, Khu công nghiệp.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua TPB (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,807.9	0.5%	0.8%	-5.9%	16,708.1	-34.5%	21.3%	-27.7%	711.7	-15.3%	34.7%	-4.6%
HNX-Index	319.6	2.8%	4.5%	24.2%	1,462.7	-0.4%	82.8%	33.5%	76.0	-4.1%	61.2%	22.1%
UPCOM-Index	126.8	0.0%	1.3%	0.3%	277.4	-43.7%	-50.5%	-68.2%	20.6	-24.2%	-17.0%	-67.6%
VN30	1,960.2	-0.1%	0.4%	-4.4%	8,176.7	-52.6%	-6.5%	-44.1%	265.6	-32.8%	-5.8%	-27.9%
VNMID	2,172.9	1.2%	3.6%	-3.1%	6,504.8	-0.7%	62.9%	-7.3%	305.9	1.8%	63.0%	1.3%
VNSML	1,357.1	0.5%	1.4%	-2.5%	861.8	18.7%	71.8%	21.7%	62.7	-2.3%	53.9%	20.2%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	642.5	0.0%	1.20%	-1.3%	4,284.2	-35.6%	-16.2%	-29.5%	207.6	-29.7%	-10.6%	-21.5%
Bất động sản	901.2	0.6%	-0.9%	-12.9%	2,817.6	-64.8%	-35.1%	-29.8%	108.5	-9.4%	10.2%	-0.2%
Dịch vụ tài chính	319.4	3.1%	6.9%	1.6%	3,503.3	10.8%	51.8%	40.2%	163.5	9.4%	46.6%	38.4%
Công nghiệp	268.5	-0.1%	0.3%	-9.6%	690.7	-44.3%	-20.4%	-34.3%	22.4	-33.4%	-14.6%	-25.9%
Tài nguyên cơ bản	530.9	-0.5%	2.6%	0.0%	530.6	-45.7%	-1.3%	-20.4%	29.0	-35.8%	6.9%	-9.9%
Xây dựng - Vật Liệu	171.3	0.9%	3.4%	-1.3%	739.7	14.1%	-1.7%	-9.2%	36.1	14.7%	-11.3%	-15.4%
Thực phẩm	487.1	0.1%	-6.5%	-30.9%	789.3	-2.5%	-15.4%	-27.7%	19.9	-19.0%	-19.5%	-24.4%
Bán Lẻ	1,467.5	1.2%	3.6%	-2.2%	647.9	-15.7%	9.5%	-7.3%	9.2	-11.5%	14.8%	-5.7%
Công nghệ	399.9	-0.4%	-0.6%	1.5%	727.3	15.1%	41.0%	-22.0%	10.8	-33.6%	11.4%	-24.1%
Hóa chất	181.4	0.0%	4.1%	-7.5%	451.4	-7.2%	29.5%	2.3%	15.1	-5.1%	23.0%	14.0%
Tiện ích	764.4	-0.1%	0.5%	-4.1%	441.7	42.6%	54.4%	16.0%	22.3	65.2%	70.0%	49.0%
Dầu khí	107.5	1.1%	-4.2%	-13.5%	361.5	-45.3%	-7.47%	-44.9%	12.3	-45.0%	-4.4%	-38.4%
Dược phẩm	410.0	0.20%	0.1%	-1.6%	30.4	-55.8%	-36.4%	-55.5%	1.3	-52.1%	-28.9%	-58.4%
Bảo hiểm	104.0	0.4%	-2.3%	-0.9%	26.6	1.0%	-2.2%	-43.5%	0.6	-2.0%	5.8%	-42.0%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,807.9	0.48%	1.3%	14.8x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,588	-0.23%	26.1%	16.8x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,255	-	-27.7%	14.5x	1.7x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,662	0.81%	2.9%	15.5x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,246	-0.43%	3.2%	9.6x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,092	-0.11%	3.1%	20.4x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	24,494	-1.40%	-4.4%	12.9x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	69,405	0.13%	37.9%	25.6x	3.2x
S&P 500	Mỹ	7,554	1.65%	10.4%	27.8x	5.7x
Dow Jones	Mỹ	51,671	0.92%	7.5%	24.8x	6.0x
FTSE 100	Anh	10,484	0.51%	5.6%	16.9x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,273	0.70%	8.3%	17.8x	2.5x
DXV		99.6	-0.18%	1.3%		
USDVND		26,298	0.03%	0.0%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

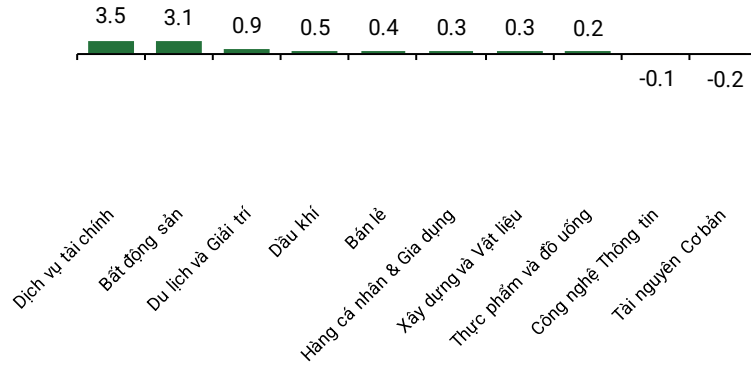
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-2.42%	-25.7%	33.4%	10.8%
Dầu WTI	▼	-2.59%	-25.4%	37.0%	9.6%
Khí gas	▲	1.5%	7.9%	-13.3%	-14.8%
Than cốc (*)	▬	0.0%	13.0%	20.8%	46.2%
Thép HRC (*)	▼	-0.1%	-2.6%	3.5%	5.7%
PVC (*)	▼	-1.9%	-7.0%	1.4%	-3.0%
Phân Urea (*)	▼	-1.0%	-35.7%	17.8%	20.3%
Cao su thiên nhiên	▲	1.5%	4.7%	28.7%	42.6%
Bông Cotton	▬	0.4%	-8.5%	14.7%	12.7%
Đường	▼	-0.7%	-8.2%	-9.5%	-17.8%
World Container Index	▬	0.0%	39.0%	60.4%	0.2%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-0.6%	-18.4%	47.0%	96.5%
Vàng	▬	0.77%	-4.3%	0.6%	28.4%
Bạc	▬	0.64%	-7.3%	-1.7%	94.0%

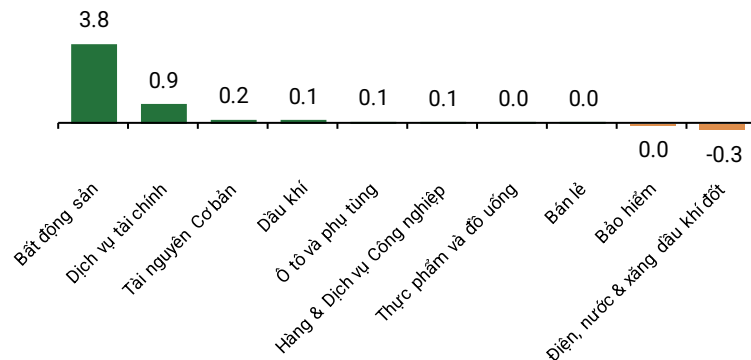
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

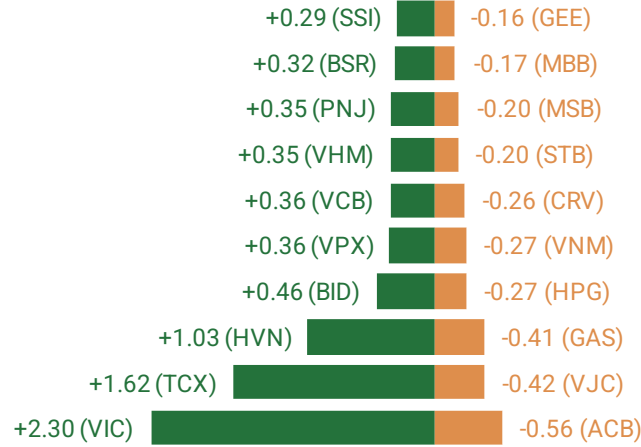
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



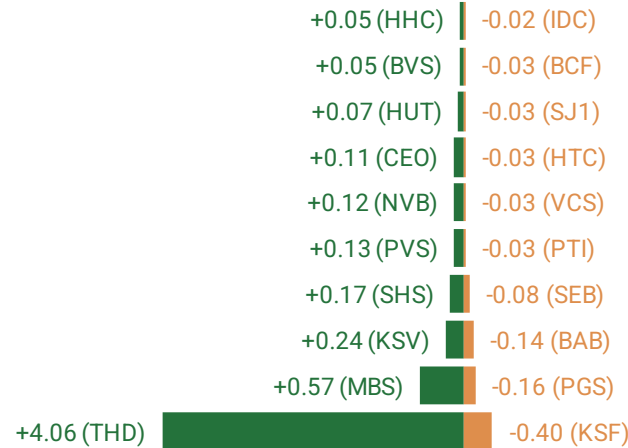
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

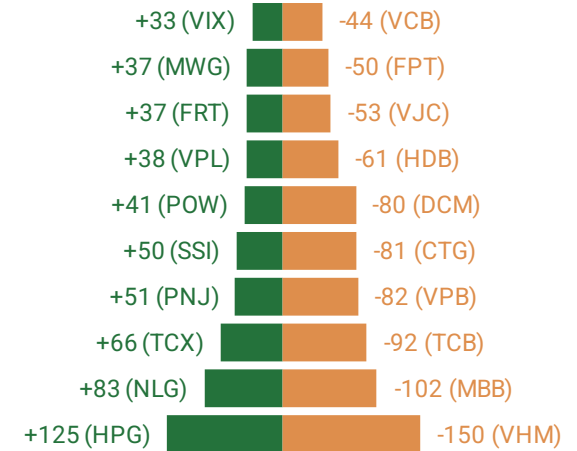


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

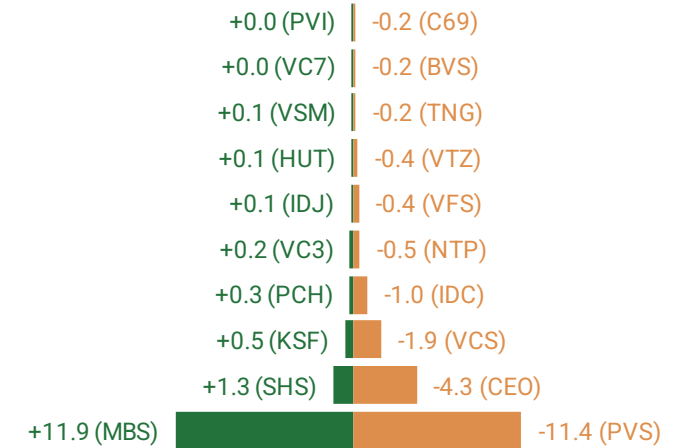


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



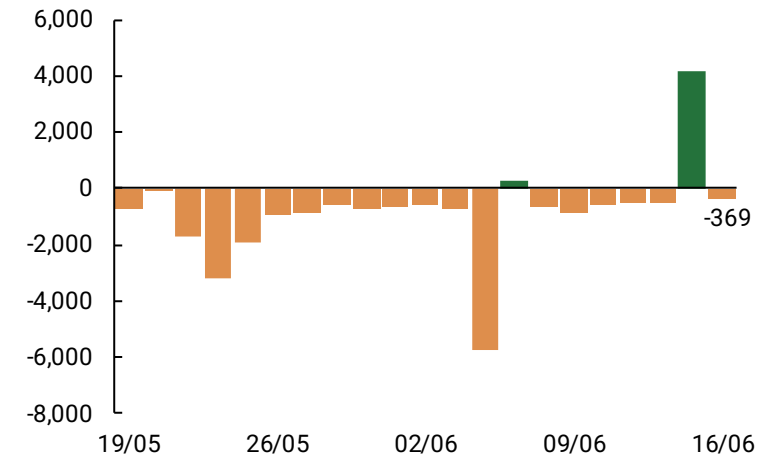
	VIX	SHB	SSI	VIC	FPT
%DoD	2.3%	0.0%	2.0%	0.7%	-0.5%
Giá trị	768	667	638	562	429

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	FPT	TPB	SSB	VHM	VPX
%DoD	-0.5%	0.0%	0.0%	0.3%	3.3%
Giá trị	285	229	169	162	115

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



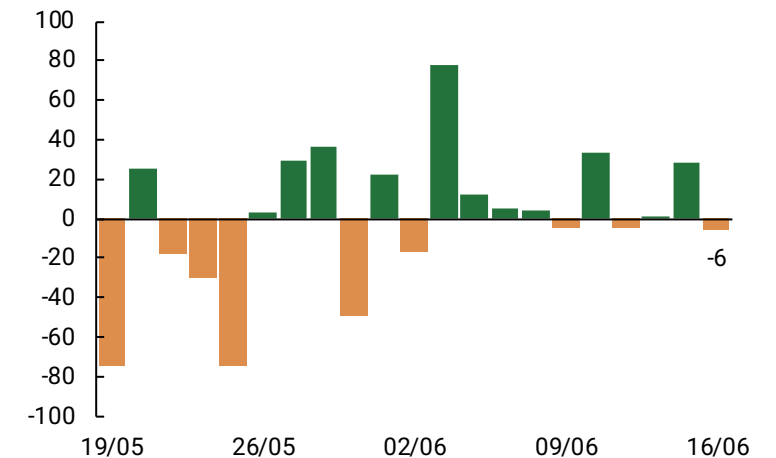
	SHS	MBS	CEO	PVS	IDC
%DoD	1.6%	4.5%	2.0%	1.1%	-0.2%
Giá trị	337	243	108	84	38

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	KSF	BVS	SDN	NTP
%DoD	0.6%	-0.9%	4.2%	0.0%	0.0%
Giá trị	224	174	2	2	2

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến Doji, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1750 | 1800.
- ✓ Kháng cự: 1850 | 1900.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong giai đoạn điều chỉnh.

Kịch bản: VN-Index tiếp tục giằng co quanh mốc tâm lý 1800 điểm, do sức ép từ các trụ lớn. Điểm tích cực là thanh khoản và độ rộng đã phục hồi trở lại, cho thấy tâm lý dòng tiền cải thiện. Điều này có thể thúc đẩy nhịp hồi kỹ thuật các phiên tới. Đà tăng được xác nhận khi chỉ số trở lại vận động trên ngưỡng 1840 điểm. Trái lại, nếu vận động lùi về dưới ngưỡng 1785 điểm sẽ mở rộng đà giảm về khu vực 1750 – 1760 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Doji, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1900 | 1960.
- ✓ Kháng cự: 2000 | 2060.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong giai đoạn điều chỉnh.

Kịch bản: Vận động tiếp tục giằng co quanh ngưỡng 1960 điểm. Khu vực 1960 – 1980 điểm sau khi bị xuyên thủng đã hoán đổi vai trò trở thành kháng cự gần trong ngắn hạn. Đà tăng chỉ thực sự được củng cố khi VN30 bứt phá được trên vùng này. Ngược lại, nếu chỉ số lùi về dưới ngưỡng 1935 điểm sẽ mở rộng áp lực điều chỉnh về vùng tâm lý 1900 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio		
Ticker	TPB	BUY	Current price		16.45	P/E (x)	6.2	
Exchange	HOSE		Action price	17/06	16.1 - 16.4	P/B (x)	1.0	
Sector	Banks		Target price		18	10.8%	EPS	2660.7
			Cut loss		15.5	-4.6%	ROE	17.9%
						Stock Rating	BB	
						Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá trở lại vận động trên MA20, MA50.
 - MACD cắt lên đường tín hiệu và cải thiện lên miền dương, cùng với RSI cũng tăng trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
 - MA20 cắt lên MA50 giúp củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh yếu dần và khả năng tiếp tục quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	TPB	Mua	17/06/2026	16.45	16.1 - 16.4	-	18	10.8%	15.5	-4.6%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MBB	Mua	05/05/2026	-	25.1	25.9 - 26.1	-3.5%	29	11.5%	24.4	-6.2%	
2	SAB	Mua	22/05/2026	-	49.1	47.8 - 48.2	2.3%	53	10.4%	45.5	-5.2%	
3	VCB	Mua	28/05/2026	-	61.8	63 - 63.5	-2.3%	70	10.7%	60	-5.1%	
4	VAB	Mua	04/06/2026	-	11.0	10.45 - 10.6	4.5%	11.6	10.2%	10	-5.0%	
5	VLB	Mua	11/06/2026	-	47.9	47.2 - 48	0.6%	52	9.2%	45.5	-4.4%	
6	DHC	Mua	11/06/2026	-	36.6	36.4 - 36.7	0.1%	40	9.4%	34.5	-5.6%	
7	SHS	Mua	15/06/2026	-	19.2	18.7 - 18.9	2.1%	20.8	10.6%	17.8	-5.3%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1964, giảm 1.2 điểm (-0.06%). Giá gần như biến động đi ngang trong phiên với sự lưỡng lự chiếm ưu thế.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, giá tiếp tục cho phản ứng cân bằng quanh khu vực 1965. Các chỉ báo động lượng ổn định với MACD và RSI giữ đà đi lên, củng cố cho động lượng phục hồi. Theo đó, vị thế Long có thể tham gia khi giá tiếp tục duy trì trên ngưỡng 1966, có thể gia tăng thêm nếu giá tiếp tục bứt phá trên ngưỡng 1984. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1954.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1885, tăng 5.1 điểm (+0.3%). Độ lệch basis 2.9 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 24 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1875 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1900 điểm.

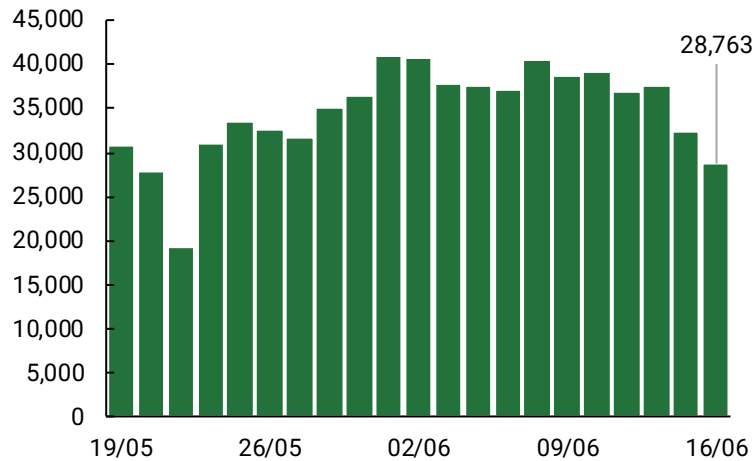
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1966	1980	1958	14 : 8
Long	> 1984	2000	1975	16 : 9
Short	< 1954	1940	1963	14 : 9

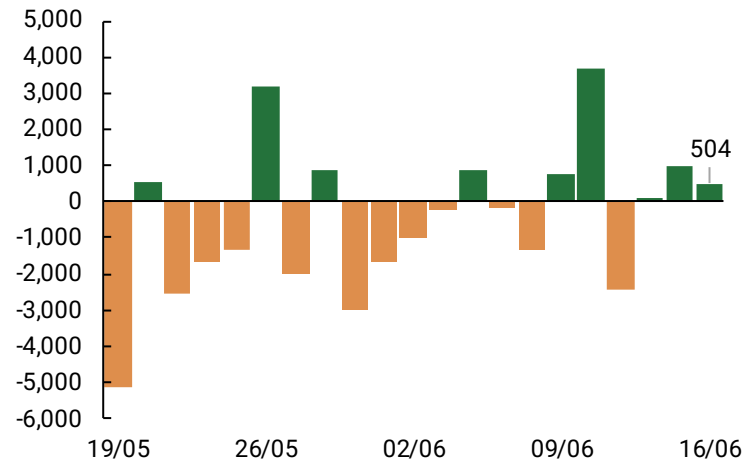
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111GC000	1,961.0	-3.5	14	245	1,975.2	-14.2	17/12/2026	184
4111G9000	1,964.8	4.8	29	550	1,967.7	-2.9	17/09/2026	93
4111G7000	1,962.0	2.0	3,463	5,864	1,962.6	-0.6	16/07/2026	30
4111G6000	1,964.0	-1.2	125,466	28,763	1,960.4	3.6	18/06/2026	2
4112G6000	1,885.1	5.1	24	29	1,888.1	-3.0	18/06/2026	2

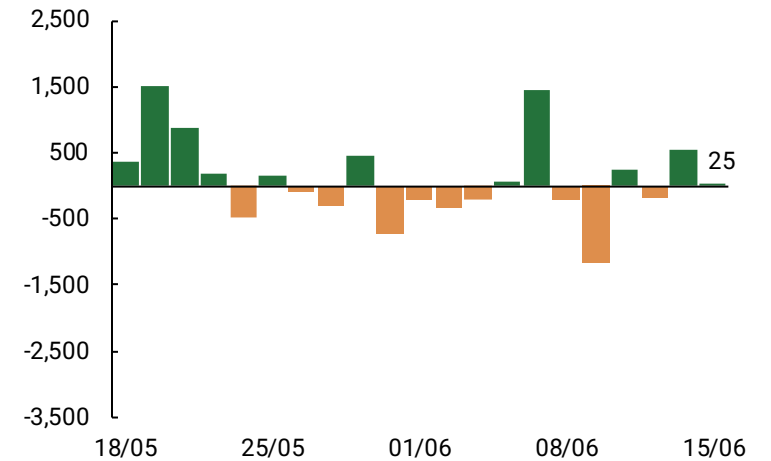
Khối lượng mở (Open interest)



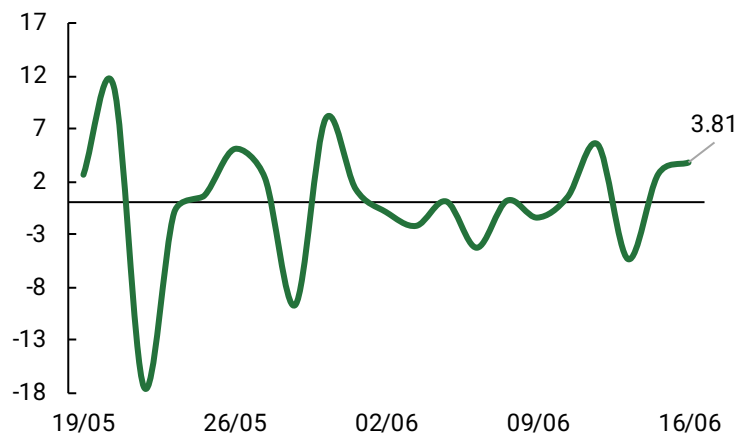
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



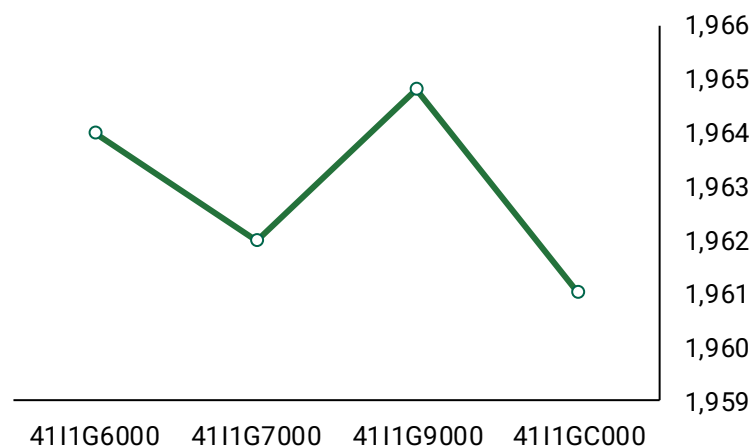
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



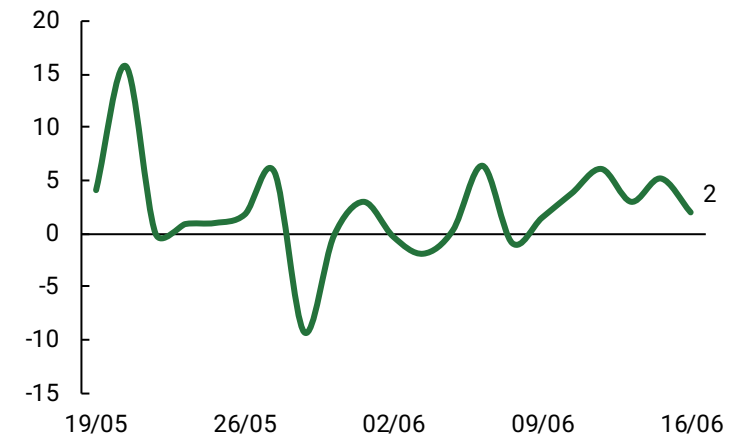
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



THÔNG TIN VĨ MÔ

- 01/06 Việt Nam, Mỹ - Chỉ số PMI
- 03/06 Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 5 và 5 tháng đầu năm
- 05/06 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 10/06 Mỹ - Chỉ số CPI
Trung Quốc - Chỉ số CPI, PPI
- 11/06 Mỹ - Chỉ số PPI
- 13/06 Việt Nam - VNM ETF công bố danh mục
- 16/06 Trung Quốc - Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất
- 17/06 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- 18/06 Việt Nam - Đáo hạn hợp đồng phái sinh
Mỹ - FED công bố lãi suất
Anh - BoE công bố lãi suất
- 24/06 Việt Nam - MSCI công bố kết quả xếp hạng thị trường
- 25/06 Mỹ - Chỉ số PCE, dữ liệu GDP sau cùng

Chứng khoán Mỹ lập kỷ lục mới, giá dầu giảm về đáy 3 tháng: Thị trường chứng khoán Mỹ tăng mạnh sau khi nhà đầu tư phản ứng tích cực với thông tin Mỹ - Iran đạt thỏa thuận chấm dứt xung đột, qua đó giúp hạ nhiệt rủi ro nguồn cung năng lượng. Dow Jones tăng 0.92% và lập kỷ lục chốt phiên mới tại 51,671.03 điểm, trong khi giá dầu thô giảm sâu về quanh ngưỡng 80 USD/thùng. Ngoài ra, thị trường vẫn đang theo dõi thêm khả năng bình thường hóa hoạt động qua eo biển Hormuz.

Nhật Bản có thể nâng lãi suất lên mức cao nhất trong 31 năm: BOJ dự kiến nâng lãi suất lên mức cao nhất trong hơn ba thập kỷ, đồng thời phát tín hiệu sẵn sàng tiếp tục tăng chi phí vay nhằm kiểm soát rủi ro lạm phát. Động thái này đánh dấu bước chuyển đáng chú ý của Nhật Bản sau thời gian dài duy trì chính sách tiền tệ siêu nới lỏng. Nếu xu hướng thắt chặt tiếp diễn, dòng vốn toàn cầu, tỷ giá đồng yên và thị trường trái phiếu có thể biến động mạnh hơn.

Nghị quyết 10-NQ/TW định hướng nâng chất lượng dòng vốn FDI: Nghị quyết 10-NQ/TW đặt mục tiêu chuyển trọng tâm thu hút FDI từ số lượng sang chất lượng, gắn khu vực FDI với đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và nâng cao năng lực doanh nghiệp trong nước. Đến năm 2045, khu vực FDI được định hướng chiếm khoảng 25% tổng vốn đầu tư toàn xã hội và đóng góp khoảng 30% GDP. Đây là tín hiệu chính sách quan trọng trong quá trình nâng cấp mô hình tăng trưởng và tăng khả năng tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu của Việt Nam.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

VGT - Vinatex ước lợi nhuận hợp nhất 6 tháng tăng 14.4%: Vinatex ước doanh thu hợp nhất 6 tháng đầu năm 2026 đạt khoảng 9,769 tỷ đồng, tăng 6.5% YoY và hoàn thành 46% kế hoạch năm. Lợi nhuận hợp nhất ước đạt 763 tỷ đồng, tăng 14.4% YoY và hoàn thành 55% kế hoạch, trong bối cảnh ngành dệt may toàn cầu còn nhiều khó khăn.

MSN - WinCommerce đạt doanh thu gần 19,000 tỷ đồng trong 5 tháng: WinCommerce ghi nhận doanh thu gần 19,000 tỷ đồng trong 5 tháng đầu năm 2026, đồng thời mở mới 464 cửa hàng. Trong đó, 374 cửa hàng thuộc mô hình WinMart+ Nông thôn, chiếm 81% số điểm mở mới; hơn 98% cửa hàng mở mới đạt biên EBITDA cấp cửa hàng dương, cho thấy chiến lược mở rộng về khu vực nông thôn tiếp tục mang lại hiệu quả.

HPG - Đặt mục tiêu tăng 40% sản lượng thép trong năm 2026: Hòa Phát đặt mục tiêu tiêu thụ gần 15 triệu tấn thép trong năm 2026, tăng khoảng 40% so với mức 10.6 triệu tấn năm 2025. Phần tăng thêm chủ yếu đến từ thép cuộn cán nóng HRC của Dung Quất 2 sau khi toàn bộ dây chuyền vận hành ổn định, dự kiến đóng góp thêm khoảng 3-4 triệu tấn sản phẩm.

VCG - Vinaconex đã bán 61% vốn tại Viwaseen: Vinaconex đã hoàn tất việc bán 61.01% vốn sở hữu tại Viwaseen (VIW) trong giai đoạn 28/5-10/6, chuyển nhượng 35.4 triệu cổ phiếu với giá trung bình gần 22,500 đồng/cp, tương đương khoảng 796 tỷ đồng thu về. Sau giao dịch, tỷ lệ sở hữu của Vinaconex tại Viwaseen giảm từ 86.01% xuống còn 25%, và công ty không còn là công ty con.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	53,300	73,400	37.7%	Mua
CTG	33,700	45,200	34.1%	Mua
CTD	72,700	82,900	14.0%	Tăng tỷ trọng
DBD	49,950	68,000	36.1%	Mua
DDV	25,753	35,900	39.4%	Mua
DGW	41,300	47,500	15.0%	Tăng tỷ trọng
DPG	40,600	42,300	4.2%	Nắm giữ
DPR	40,350	46,500	15.2%	Tăng tỷ trọng
DRI	14,536	17,200	18.3%	Tăng tỷ trọng
EVF	13,950	14,400	3.2%	Nắm giữ
FRT	130,900	157,600	20.4%	Mua
GMD	79,600	92,700	16.5%	Tăng tỷ trọng
HAH	54,700	60,300	10.2%	Tăng tỷ trọng
HDG	21,400	30,900	44.4%	Mua
HHV	11,750	12,300	4.7%	Nắm giữ
HPG	24,200	30,700	26.9%	Mua
IMP	46,100	55,000	19.3%	Tăng tỷ trọng
KDH	23,700	38,800	63.7%	Mua
MCH	130,300	177,200	36.0%	Mua
MWG	79,400	115,600	45.6%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	25,100	34,000	35.5%	Mua
NLG	28,000	39,400	40.7%	Mua
NT2	22,850	27,700	21.2%	Mua
PHR	64,600	72,800	12.7%	Tăng tỷ trọng
PNJ	68,200	75,500	10.7%	Tăng tỷ trọng
PVS	37,800	39,900	5.6%	Nắm giữ
PVT	19,300	18,900	-2.1%	Giảm tỷ trọng
POW	14,150	15,000	6.0%	Nắm giữ
SAB	49,100	57,900	17.9%	Tăng tỷ trọng
SSI	27,600	32,100	16.3%	Tăng tỷ trọng
TLG	48,600	50,900	4.7%	Nắm giữ
TCB	31,750	41,700	31.3%	Mua
TCM	20,250	35,300	74.3%	Mua
TRC	77,000	94,800	23.1%	Mua
VCB	61,800	84,200	36.2%	Mua
VPB	26,350	36,500	38.5%	Mua
VCG	20,100	26,200	30.3%	Mua
VHC	58,500	60,000	2.6%	Nắm giữ
VNM	59,100	66,650	12.8%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801